

|   |  |
|---|--|
| SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN<br>TP. HỒ CHÍ MINH |  |
| ĐẾN   | Số: 7408<br>Giờ: Ngày 8 tháng 3 năm 12 |

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

## MỤC LỤC

|   | Trang   |
|---|---------|
| 1. Mục lục  | 1       |
| 2. Báo cáo của Tổng Giám đốc  | 2 - 5   |
| 3. Báo cáo kiểm toán  | 6       |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011   | 7 - 10  |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | 11      |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011           | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011    | 14 - 35 |
| 8. Phụ lục  | 36      |

\*\*\*\*\*

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

### Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước - Công ty thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu quận 10 theo Quyết định số 58/2000/QĐ-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000195 ngày 01 tháng 11 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 05 tháng 7 năm 2002, lần thứ 03 ngày 29 tháng 11 năm 2002, lần thứ 04 ngày 28 tháng 7 năm 2003, lần thứ 05 ngày 20 tháng 07 năm 2004, lần thứ 06 ngày 28 tháng 9 năm 2005, lần thứ 07 ngày 30 tháng 8 năm 2006 và lần thứ 08 ngày 22 tháng 5 năm 2007 về việc tăng vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 10 tháng 12 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 19 tháng 04 năm 2010 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 80.000.000.000 VND

Công ty đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh) số 36/UBCK-GPNY ngày 4 tháng 5 năm 2005 với mã cổ phiếu là TNA.

### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : số 111 – 121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 3 8 348 984

Fax : (84-8) 3 9 273 347

Mã số thuế : 0 3 0 1 1 7 2 0 4 1

### Các đơn vị trực thuộc:

| Tên đơn vị                             | Địa chỉ  |
|--|--|
| Trung tâm kinh doanh sắt thép Phan Anh | 225-227 Phan Anh, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh |

|   |  |
|---|--|
| Chi nhánh Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam – Trung tâm kinh doanh sắt thép | 56A quốc lộ 1A, ấp 2, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An |
|---|--|

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng nông, thủy hải sản, lương thực, thực phẩm, điện tử, xe gắn máy, nguyên liệu, vật liệu, vật tư, máy móc thiết bị, phân bón, phương tiện vận tải, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, mỹ phẩm;
- Dịch vụ nhận ủy thác xuất nhập khẩu các mặt hàng Nhà nước cho phép;
- Tổ chức các hoạt động dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở), kinh doanh vàng, bạc, salon auto;

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Mua bán, đại lý, ký gửi các mặt hàng công nghệ phẩm, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, rượu, nông sản, thủy hải sản, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư, máy móc thiết bị, mỹ phẩm;
- Mua bán hàng điện gia dụng, hạt nhựa, vật tư ngành ảnh, văn phòng phẩm, đồ điện gia dụng, giày da, túi xách, đồng hồ, mắt kính, cơ điện lạnh, máy giặt, xe gắn máy và phụ tùng, xe đạp, quần áo, bia nước giải khát (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống);
- Đại lý ký gửi hàng hóa. Thu mua và chế biến hàng nông-thủy- hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở);
- Cho thuê xe du lịch;
- Mua bán sắt thép, kim loại phế liệu và dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở);
- Mua bán xe ô tô;
- Mua bán gỗ rừng trồng, gỗ nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Kinh doanh lữ hành nội địa;
- Kinh doanh bất động sản.

## Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Doanh thu năm nay gia tăng đáng kể so với năm trước là do giá bán và số lượng hàng hóa bán ra tăng. Tuy nhiên, lợi nhuận lại giảm so với năm trước do năm trước Công ty có chuyển nhượng 07 tầng của tòa nhà cho Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10 TP. Hồ Chí Minh để làm văn phòng (hoạt động này có tỷ lệ lãi gộp cao) và chi phí lãi vay năm nay gia tăng (do ảnh hưởng của lãi suất cho vay trên thị trường).

Trong năm, Công ty đã thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết - Công ty cổ phần kinh doanh nhà Nam Hưng Thịnh và nhận lại tài sản góp vốn là quyền sử dụng đất tại 557/17H Nguyễn Tri Phương, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Sau đó, Công ty đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cùng với dự án 'Đầu tư xây dựng chung cư Thiên Nam' cho chính Công ty cổ phần kinh doanh nhà Nam Hưng Thịnh.

Chi nhánh Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam – Trung tâm kinh doanh sắt thép tại Bến Lức, tỉnh Long An được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 11 năm 2011.

## Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính định kỳ báo cáo này (từ trang 07 đến trang 35).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như sau:

|   |                           |
|---|---------------------------|
| - Trích quỹ đầu tư phát triển (10% lợi nhuận sau thuế)          | 2.865.510.046 VND         |
| - Trích quỹ dự phòng tài chính (5% lợi nhuận sau thuế)          | 1.432.755.023 VND         |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (12% lợi nhuận sau thuế)      | 3.438.612.055 VND         |
| - Trích quỹ hoạt động Hội đồng quản trị (3% lợi nhuận sau thuế) | 859.653.014 VND           |
| - Trích khoản cổ đông tham gia công tác xã hội                  | 197.050.000 VND           |
| - Chia cổ tức bổ sung (15% mệnh giá)                            | 11.999.623.500 VND        |
| <b>Cộng</b>   | <b>20.793.203.638 VND</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**  
**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Ngoài ra, Công ty còn phân phối lợi nhuận từ việc chuyển nhượng 07 tầng của tòa nhà Thiên Nam trong năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như sau :

|   |                           |
|---|---------------------------|
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (3,3% lợi nhuận sau thuế)                         | 1.306.930.884 VND         |
| - Trích quỹ đầu tư phát triển (95% lợi nhuận sau khi trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi) | 36.382.183.541 VND        |
| - Trích quỹ dự phòng tài chính (5% lợi nhuận sau khi trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi) | 1.914.851.765 VND         |
| <b>Cộng</b>   | <b>39.603.966.190 VND</b> |

Trong năm, Công ty còn tạm ứng cổ tức năm 2011 tương ứng 10% mệnh giá theo Nghị quyết hội đồng quản trị ngày 20 tháng 7 năm 2011, tương ứng với số tiền 7.999.749.000 VND.

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

| Họ và tên              | Chức vụ      | Ngày bổ nhiệm        | Ngày miễn nhiệm |
|------------------------|--------------|----------------------|-----------------|
| Bà Nguyễn Thị Hiệp     | Chủ tịch     | 28 tháng 10 năm 2002 | -               |
| Ông Nguyễn Quang Hòa   | Phó chủ tịch | 27 tháng 3 năm 2008  | -               |
| Ông Hồ Thái Hà         | Thành viên   | 31 tháng 3 năm 2007  | -               |
| Ông Ngô Hữu Hoàn       | Thành viên   | 31 tháng 3 năm 2007  | -               |
| Ông Nguyễn Hoàng Giang | Thành viên   | 01 tháng 4 năm 2006  | -               |

**Ban kiểm soát**

| Họ và tên            | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm       | Ngày miễn nhiệm |
|----------------------|------------|---------------------|-----------------|
| Ông Vương Quang Diệu | Trưởng ban | 26 tháng 3 năm 2008 | -               |
| Ông Nguyễn Ngọc Tuấn | Thành viên | 26 tháng 3 năm 2008 | -               |
| Bà Trần Thị Thu Liễu | Thành viên | 09 tháng 4 năm 2005 | -               |

**Tổng Giám đốc**

| Họ và tên        | Ngày bổ nhiệm       | Ngày miễn nhiệm |
|------------------|---------------------|-----------------|
| Ông Ngô Hữu Hoàn | 18 tháng 4 năm 2007 | -               |

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Xác nhận của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính định kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Ngô Hữu Hoàn  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 02 năm 2012



Số: 0092/2012/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
**VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

**Kính gửi:** QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bán thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 06 tháng 02 năm 2012, từ trang 07 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Anh và tiếng Việt có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đổi chiếu.





Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: D.0099/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2012



Trần Hoàng Anh - Kiểm toán viên  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1161/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN   | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|-------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |       |             |                        |                        |
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | 100   |             | <b>600.822.271.302</b> | <b>517.747.477.216</b> |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền               | 110   | V.1         | 47.152.329.812         | 46.757.929.350         |
| 1. Tiền   | 111   |             | 47.152.329.812         | 31.757.929.350         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112   |             | -                      | 15.000.000.000         |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn             | 120   |             | 46.600.000.000         | 3.000.000.000          |
| 1. Đầu tư ngắn hạn                                  | 121   | V.2         | 46.600.000.000         | 3.000.000.000          |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn                | 129   |             | -                      | -                      |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn                    | 130   |             | 182.404.419.892        | 169.484.519.759        |
| 1. Phải thu khách hàng                              | 131   | V.3         | 147.672.011.780        | 93.362.082.819         |
| 2. Trả trước cho người bán                          | 132   | V.4         | 34.036.989.890         | 75.023.952.440         |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133   |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134   |             | -                      | -                      |
| 5. Các khoản phải thu khác                          | 135   |             | 695.418.222            | 1.098.484.500          |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 139   |             | -                      | -                      |
| IV. Hàng tồn kho                                    | 140   |             | 308.102.833.689        | 284.520.372.102        |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141   | V.5         | 309.539.834.434        | 284.520.372.102        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149   | V.6         | (1.437.000.745)        | -                      |
| V. Tài sản ngắn hạn khác                            | 150   |             | 16.562.687.909         | 13.984.656.005         |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151   |             | 124.332.880            | 46.643.332             |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152   |             | 14.781.017.665         | 13.515.468.207         |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 154   |             | 66.988.364             | -                      |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 157   |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 158   | V.7         | 1.590.349.000          | 422.544.466            |

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | 200        |             | <b>74.410.251.864</b>  | <b>72.385.623.707</b>  |
| I. Các khoản phải thu dài hạn                 | 210        |             | -                      | -                      |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng            | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc     | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ                    | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu dài hạn khác                      | 218        |             | -                      | -                      |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi          | 219        |             | -                      | -                      |
| II. Tài sản cố định                           | 220        |             | <b>47.819.425.757</b>  | <b>7.389.887.451</b>   |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                   | 221        | V.8         | 15.897.962.713         | 6.837.168.032          |
| <i>Nguyên giá</i>                             | 222        |             | <i>19.993.770.166</i>  | <i>9.499.768.993</i>   |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                 | 223        |             | (4.095.807.453)        | (2.662.600.961)        |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính             | 224        |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                             | 225        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                 | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                    | 227        | V.9         | 25.255.147.500         | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                             | 228        |             | 25.255.147.500         | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                 | 229        |             | -                      | -                      |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang            | 230        | V.10        | 6.666.315.544          | 552.719.419            |
| III. Bất động sản đầu tư                      | 240        | V.11        | <b>23.768.744.664</b>  | <b>31.475.108.505</b>  |
| <i>Nguyên giá</i>                             | 241        |             | 27.119.789.935         | 33.855.431.253         |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                 | 242        |             | (3.351.045.271)        | (2.380.322.748)        |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn        | 250        |             | <b>2.300.000.000</b>   | <b>32.500.000.000</b>  |
| 1. Đầu tư vào công ty con                     | 251        | V.12        | 800.000.000            | 800.000.000            |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh    | 252        |             | -                      | 30.200.000.000         |
| 3. Đầu tư dài hạn khác                        | 258        | V.13        | 1.500.000.000          | 1.500.000.000          |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259        |             | -                      | -                      |
| V. Tài sản dài hạn khác                       | 260        |             | <b>522.081.443</b>     | <b>1.020.627.751</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                  | 261        |             | 442.081.443            | 945.627.751            |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại             | 262        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản dài hạn khác                       | 268        |             | 80.000.000             | 75.000.000             |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                      | <b>270</b> |             | <b>675.232.523.166</b> | <b>590.133.100.923</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>444.306.448.438</b> | <b>371.978.830.612</b> |
| I. Nợ ngắn hạn                                      | 310        |             | 439.663.554.686        | 367.382.388.433        |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn                               | 311        | V.14        | 279.335.801.289        | 237.505.320.818        |
| 2. Phải trả người bán                               | 312        | V.15        | 94.410.339.642         | 60.621.669.683         |
| 3. Người mua trả tiền trước                         | 313        | V.16        | 25.449.340.746         | 31.530.389.408         |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 314        | V.17        | 8.249.363.674          | 16.108.064.011         |
| 5. Phải trả người lao động                          | 315        | V.18        | 4.314.776.912          | 2.186.958.352          |
| 6. Chi phí phải trả                                 | 316        | V.19        | 1.609.062.299          | 876.375.605            |
| 7. Phải trả nội bộ                                  | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318        |             | -                      | -                      |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác       | 319        | V.20        | 23.329.366.800         | 18.306.291.500         |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 320        |             | -                      | -                      |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 323        | V.21        | 2.965.503.324          | 247.319.056            |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 327        |             | -                      | -                      |
| II. Nợ dài hạn                                      | 330        |             | 4.642.893.752          | 4.596.442.179          |
| 1. Phải trả dài hạn người bán                       | 331        |             | -                      | -                      |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ                          | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Phải trả dài hạn khác                            | 333        | V.22        | 4.561.593.200          | 4.515.766.400          |
| 4. Vay và nợ dài hạn                                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                  | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm                    | 336        |             | 46.271.170             | 47.184.870             |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn                        | 337        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện                         | 338        |             | 35.029.382             | 33.490.909             |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ             | 339        |             | -                      | -                      |
| <b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                     | <b>400</b> |             | <b>230.926.074.728</b> | <b>218.154.270.311</b> |
| I. Vốn chủ sở hữu                                   | 410        |             | 230.926.074.728        | 218.154.270.311        |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                        | 411        | V.23        | 80.000.000.000         | 80.000.000.000         |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                             | 412        | V.23        | 55.186.113.637         | 55.186.113.637         |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu                          | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Cổ phiếu quỹ                                     | 414        | V.23        | (2.483.300)            | (2.483.300)            |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                  | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                       | 416        | V.23        | (35.324.956)           | 534.976.195            |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển                            | 417        | V.23        | 52.561.506.161         | 13.313.812.574         |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính                           | 418        | V.23        | 6.727.120.505          | 3.379.513.717          |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                    | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối               | 420        | V.23        | 36.489.142.681         | 65.742.337.488         |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                | 421        |             | -                      | -                      |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                 | 422        |             | -                      | -                      |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác                      | 430        |             | -                      | -                      |
| 1. Nguồn kinh phí                                   | 432        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định     | 433        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                          | <b>440</b> |             | <b>675.232.523.166</b> | <b>590.133.100.923</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN**

| CHỈ TIÊU                                       | Thuyết<br>minh | Số cuối năm | Số đầu năm  |
|--|----------------|-------------|-------------|
| 1. Tài sản thuê ngoài                          |                | -           | -           |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công |                | -           | -           |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược  |                | -           | -           |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý                         |                | 398.345.560 | 398.345.560 |
| 5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)          |                | 136.714,83  | 2.714,40    |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án                |                | -           | -           |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2012



Vũ Thị Thúy Nga  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Ánh Hường  
Kế toán trưởng

Ngô Hữu Hoàn  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh |                       |                       |
|--|-------|-------------|-----------------------|-----------------------|
|  |       |             | Năm nay               | Năm trước             |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VL.1        | 1.056.810.190.112     | 852.636.332.725       |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    | VL.1        | 48.678.705            | -                     |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    | VL.1        | 1.056.761.511.407     | 852.636.332.725       |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VL.2        | 958.311.864.582       | 737.234.672.169       |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 98.449.646.825        | 115.401.660.556       |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VL.3        | 19.359.937.295        | 24.716.116.720        |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VL.4        | 40.204.434.730        | 27.853.916.267        |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 38.976.938.368        | 22.514.202.568        |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 24    | VL.5        | 14.092.425.849        | 9.882.426.602         |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 25    | VL.6        | 15.356.822.374        | 11.263.584.412        |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 48.155.901.167        | 91.117.849.995        |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VL.7        | 30.372.900.625        | 516.708.722           |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VL.8        | 30.206.535.643        | 11.116.258            |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | 166.364.982           | 505.592.464           |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 48.322.266.149        | 91.623.442.459        |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | V.17        | 9.178.542.128         | 22.789.410.315        |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -                     | -                     |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | <u>39.143.724.021</u> | <u>68.834.032.144</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VL.9        | <u>-</u>              | <u>-</u>              |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2012



Vũ Thị Thúy Nga  
Người lập biếu

Nguyễn Thị Ánh Hường  
Kế toán trưởng

Ngô Hữu Hoàn  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO LUU CHUYEN TIEN TE**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số | Thuyết minh         | <u>Năm nay</u>          | <u>Năm trước</u>         |
|---|-------|---------------------|-------------------------|--------------------------|
|   |       |                     | <u>Năm nay</u>          | <u>Năm trước</u>         |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                               |       |                     |                         |                          |
| <i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>  | 01    |                     | <b>48.322.266.149</b>   | <b>91.623.442.459</b>    |
| <i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>   |       |                     |                         |                          |
| - Khâu hao tài sản cố định  | 02    | V.8; V.11           | 2.422.467.015           | 1.492.596.073            |
| - Các khoản dự phòng  | 03    | V.6                 | 1.437.000.745           | (516.975.000)            |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện                             | 04    | VI.4                | 60.292.800              | 31.513.800               |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư   | 05    | VI.3; VI.7;<br>VI.8 | (2.558.891.600)         | (57.708.538.083)         |
| - Chi phí lãi vay   | 06    | VI.4                | 38.976.938.368          | 22.514.202.568           |
| <i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>         | 08    |                     | <b>88.660.073.477</b>   | <b>57.436.241.817</b>    |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu   | 09    |                     | 15.997.292.843          | (84.233.745.810)         |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho   | 10    |                     | (25.019.462.332)        | (73.391.877.120)         |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả   | 11    |                     | 34.812.173.599          | 4.198.965.889            |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước  | 12    |                     | 425.856.760             | (784.924.007)            |
| - Tiền lãi vay đã trả   | 13    | V.19; VI.4          | (38.238.842.583)        | (22.530.996.068)         |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp   | 14    | V.17                | (17.131.214.635)        | (10.050.666.643)         |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh   | 15    |                     | 163.698.382.725         | 193.733.666.622          |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh  | 16    |                     | (167.754.746.271)       | (191.464.294.820)        |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>                            | 20    |                     | <b>55.449.513.583</b>   | <b>(127.087.630.140)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                  |       |                     |                         |                          |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác    | 21    | V.8; V.9;<br>V.10   | (35.149.349.080)        | (31.077.504.070)         |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22    | VI.7                | 1.700.000               | 80.026.609.091           |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                         | 23    |                     | -                       | -                        |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                 | 24    |                     | -                       | -                        |
| 5. <i>Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác</i>                              | 25    | V.2                 | (53.600.000.000)        | (3.000.000.000)          |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                 | 26    | V.2                 | 10.000.000.000          | 3.000.000.000            |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                          | 27    | VI.3                | 2.560.899.200           | 1.880.522.557            |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>                                | 30    |                     | <b>(76.186.749.880)</b> | <b>50.829.627.578</b>    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay               | Năm trước               |
|--|-----------|-------------|-----------------------|-------------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                       |                         |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                     | -                       |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                     | -                       |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được  | 33        | V.14        | 803.340.122.283       | 719.220.400.377         |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay   | 34        | V.14        | (762.190.414.724)     | (660.386.500.677)       |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính  | 35        |             | -                     | -                       |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        | V.23        | (19.999.372.500)      | (15.999.498.000)        |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>  | <i>40</i> |             | <i>21.150.335.059</i> | <i>42.834.401.700</i>   |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>   | <i>50</i> |             | <i>413.098.762</i>    | <i>(33.423.600.862)</i> |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm   | 60        | V.1         | 46.757.929.350        | 80.123.839.207          |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | (18.698.300)          | 57.691.005              |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm  | 70        | V.1         | <u>47.152.329.812</u> | <u>46.757.929.350</u>   |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2012



Vũ Thị Thúy Nga  
Vũ Thị Thúy Nga  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Ánh Hường  
Nguyễn Thị Ánh Hường  
Kế toán trưởng

Ngô Hữu Hoàn  
Ngô Hữu Hoàn  
Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại, kinh doanh bất động sản.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng nông, thủy hải sản, lương thực, thực phẩm, điện tử, xe gắn máy, nguyên nhiên vật liệu, vật tư, máy móc thiết bị, phân bón, phương tiện vận tải, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, mỹ phẩm; Dịch vụ nhận ủy thác xuất nhập khẩu các mặt hàng nhà nước cho phép; Mua bán, đại lý, ký gửi các mặt hàng công nghệ phẩm, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, rượu, nồng sản, thủy hải sản, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư, máy móc thiết bị, mỹ phẩm; Mua bán hàng điện gia dụng, hạt nhựa, vật tư ngành ảnh, văn phòng phẩm, đồ điện gia dụng, giày da, túi xách, đồng hồ, mắt kính, cơ điện lạnh, máy giặt, xe gắn máy và phụ tùng, xe đạp, quần áo, bia nước giải khát (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống); Đại lý ký gửi hàng hóa. Thu mua và chế biến hàng nông-thủy-hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở); Cho thuê xe du lịch; Mua bán sắt thép, kim loại phế liệu và dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán xe ô tô; Dịch vụ khai thuê hải quan; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh bất động sản.
4. **Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 65 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 64 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**  
Doanh thu năm nay gia tăng đáng kể so với năm trước là do giá bán và số lượng hàng hóa bán ra tăng. Tuy nhiên, lợi nhuận lại giảm so với năm trước do năm trước Công ty có chuyển nhượng 07 tầng của tòa nhà cho Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10 TP. Hồ Chí Minh để làm văn phòng (hoạt động này có tỷ lệ lãi gộp cao) và chi phí lãi vay năm nay gia tăng (do ảnh hưởng của lãi suất cho vay trên thị trường).

Trong năm, Công ty đã thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết - Công ty cổ phần kinh doanh nhà Nam Hưng Thịnh và nhận lại tài sản góp vốn là quyền sử dụng đất tại 557/17H Nguyễn Tri Phương, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Sau đó, Công ty đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cùng với dự án 'Đầu tư xây dựng chung cư Thiên Nam' cho chính Công ty cổ phần kinh doanh nhà Nam Hưng Thịnh.

Chi nhánh Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam – Trung tâm kinh doanh sắt thép tại Bến Lức, tỉnh Long An được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 11 năm 2011.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 25 – 50       |
| Máy móc và thiết bị             | 05 – 12       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 10       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 02 – 05       |
| Tài sản cố định hữu hình khác   | 02 – 05       |

### 6. Tài sản thuê hoạt động

#### *Công ty là bên cho thuê*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

### 7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc      | 25 – 50       |

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đèn bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

### 9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân ( $x$ ) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### 11. Chi phí trả trước dài hạn

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### *Chi phí trả trước dài hạn khác*

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm: chi phí sửa chữa, giấy phép bản quyền phần mềm,... được phân bổ trong thời gian từ 02 – 03 năm.

### 12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 13. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động dù điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

### 14. Nguồn vốn kinh doanh

#### Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

### 15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### 16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

| Mục đích                    | Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế   |     |
|-----------------------------|---|-----|
| • Quỹ đầu tư phát triển     | Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty<br>Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,.... | 10% |
| • Quỹ dự phòng tài chính    | Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động   | 5%  |
| • Quỹ khen thưởng, phúc lợi |   | 12% |

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010: 18.932 VND/USD

31/12/2011: 20.828 VND/USD

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

### 20. Tài sản tài chính

#### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### **21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

### *Nợ phải trả tài chính*

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

### *Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### *Công cụ tài chính phức hợp*

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

## 22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## 23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|   | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt                                  | 86.266.563            | 207.228.778           |
| Tiền gửi ngân hàng                        | 47.066.063.249        | 31.550.700.572        |
| Các khoản tương đương tiền <sup>(*)</sup> | -                     | 15.000.000.000        |
| <b>Cộng</b>                               | <b>47.152.329.812</b> | <b>46.757.929.350</b> |

<sup>(\*)</sup> Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

### 2. Đầu tư ngắn hạn

|   | Số cuối năm           | Số đầu năm           |
|---|-----------------------|----------------------|
| Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh <sup>(i)</sup>            | 30.000.000.000        | -                    |
| Công ty TNHH dịch vụ kinh doanh nhà và du lịch Gia Phúc Thịnh <sup>(ii)</sup> | 6.600.000.000         | 3.000.000.000        |
| Công ty TNHH đầu tư - xây dựng - thương mại Băng Dương <sup>(iii)</sup>       | 10.000.000.000        | -                    |
| <b>Cộng</b>   | <b>46.600.000.000</b> | <b>3.000.000.000</b> |

<sup>(i)</sup> Khoản góp vốn hợp tác đầu tư thực hiện việc mua bán quyền dự án Oceanami tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Khoản góp vốn đầu tư này sẽ được thu hồi trong 10 tháng và 11 tháng kể từ ngày góp vốn đầu tư.

<sup>(ii)</sup> Khoản góp vốn hợp tác đầu tư dự án Khu du lịch Bắc Sơn tại TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Khoản góp vốn đầu tư này sẽ được thu hồi trong 03 tháng kể từ ngày góp vốn đầu tư.

<sup>(iii)</sup> Khoản góp vốn hợp tác kinh doanh tham gia gói thầu công trình “cung cấp và thi công san lấp cát” thuộc dự án khu đô thị mới Vành Cổ Đông”. Khoản góp vốn hợp tác này được thu hồi trong 10 tháng kể từ ngày góp vốn đầu tư.

### 3. Phải thu khách hàng

|  | Số cuối năm            | Số đầu năm            |
|--|------------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH sản xuất thương mại thép Nguyễn Minh                | 88.760.243.922         | -                     |
| Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Nguyễn Minh               | 7.344.300.081          | 79.674.445.056        |
| Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh 10 | 8.807.300.000          | 9.307.300.000         |
| Công ty cổ phần kinh doanh nhà Nam Hưng Thịnh                    | 30.200.000.000         | -                     |
| Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam                            | 6.244.117.432          | 3.304.769.941         |
| Các khách hàng khác  | 6.316.050.345          | 1.075.567.822         |
| <b>Cộng</b>  | <b>147.672.011.780</b> | <b>93.362.082.819</b> |

### 4. Trả trước cho người bán

|                             | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Các nhà cung cấp trong nước | 33.411.483.394        | 70.108.210.282        |
| Các nhà cung cấp nước ngoài | 625.506.496           | 4.915.742.158         |
| <b>Cộng</b>                 | <b>34.036.989.890</b> | <b>75.023.952.440</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 5. Hàng tồn kho

Hàng hóa tồn kho.

### 6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho.

### 7. Tài sản ngắn hạn khác

|  | Số cuối năm          | Số đầu năm         |
|--|----------------------|--------------------|
| Tạm ứng                                    | 119.611.000          | 145.949.286        |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 1.470.738.000        | 276.595.180        |
| <b>Cộng</b>                                | <b>1.590.349.000</b> | <b>422.544.466</b> |

### 8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

|   | Nhà cửa, vật<br>kiến trúc | Máy móc và<br>thiết bị | Phương tiện<br>vận tải,<br>truyền dẫn | Thiết bị, dụng<br>cụ quản lý | Tài sản cố<br>định hữu<br>hình khác | Cộng                  |
|---|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                           |                           |                        |                                       |                              |                                     |                       |
| Số đầu năm                                  | 1.451.609.031             | 5.393.563.819          | 2.213.617.446                         | 214.669.644                  | 226.309.053                         | 9.499.768.993         |
| Mua sắm mới                                 | -                         | 2.765.000.000          | 1.004.387.273                         | 11.218.182                   | -                                   | 3.780.605.455         |
| Chuyển từ bất động<br>sản đầu tư            | 6.735.641.318             | -                      | -                                     | -                            | -                                   | 6.735.641.318         |
| Thanh lý, nhượng<br>bán                     | -                         | -                      | -                                     | (22.245.600)                 | -                                   | (22.245.600)          |
| <b>Số cuối năm</b>                          | <b>8.187.250.349</b>      | <b>8.158.563.819</b>   | <b>3.218.004.719</b>                  | <b>203.642.226</b>           | <b>226.309.053</b>                  | <b>19.993.770.166</b> |
| <i>Trong đó:</i>                            |                           |                        |                                       |                              |                                     |                       |
| Đã khấu hao hết<br>nhưng vẫn còn sử<br>dụng | 485.578.240               | 274.422.792            | -                                     | 72.691.084                   | 196.243.803                         | 1.028.935.919         |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                      |                           |                        |                                       |                              |                                     |                       |
| Số đầu năm                                  | 1.093.703.579             | 673.388.967            | 581.389.686                           | 114.367.310                  | 199.751.419                         | 2.662.600.961         |
| Khấu hao trong năm                          | 302.949.168               | 768.932.291            | 246.471.438                           | 33.921.514                   | 6.013.056                           | 1.358.287.467         |
| Chuyển từ bất động<br>sản đầu tư            | 93.457.025                | -                      | -                                     | -                            | -                                   | 93.457.025            |
| Thanh lý, nhượng<br>bán                     | -                         | -                      | -                                     | (18.538.000)                 | -                                   | (18.538.000)          |
| <b>Số cuối năm</b>                          | <b>1.490.109.772</b>      | <b>1.442.321.258</b>   | <b>827.861.124</b>                    | <b>129.750.824</b>           | <b>205.764.475</b>                  | <b>4.095.807.453</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                      |                           |                        |                                       |                              |                                     |                       |
| Số đầu năm                                  | 357.905.452               | 4.720.174.852          | 1.632.227.760                         | 100.302.334                  | 26.557.634                          | 6.837.168.032         |
| <b>Số cuối năm</b>                          | <b>6.697.140.577</b>      | <b>6.716.242.561</b>   | <b>2.390.143.595</b>                  | <b>73.891.402</b>            | <b>20.544.578</b>                   | <b>15.897.962.713</b> |
| <i>Trong đó:</i>                            |                           |                        |                                       |                              |                                     |                       |
| Tạm thời chưa sử<br>dụng                    | -                         | -                      | -                                     | -                            | -                                   | -                     |
| Đang chờ thanh lý                           | -                         | -                      | -                                     | -                            | -                                   | -                     |

### 9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

|                    | Nguyên giá            | Giá trị hao mòn | Giá trị còn lại |
|--------------------|-----------------------|-----------------|-----------------|
| Số đầu năm         | -                     | -               | -               |
| Tăng trong năm     | 25.255.147.500        | -               | -               |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>25.255.147.500</b> | -               | -               |

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

|   | Số đầu năm         | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Số cuối năm          |
|---|--------------------|-----------------------------|-------------------------------|----------------------|
| Mua sắm TSCĐ  | -                  | 4.093.489.319               | (3.895.034.773)               | 198.454.546          |
| XDCB dở dang  | 552.719.419        | 5.915.141.579               | -                             | 6.467.860.998        |
| - Công trình 277B Cách Mạng Tháng Tám, quận 10, TP. Hồ Chí Minh | 552.719.419        | 398.181.818                 | -                             | 950.901.237          |
| - Công trình Trung tâm kinh doanh sắt thép Long An              | -                  | 5.516.959.761               | -                             | 5.516.959.761        |
| <b>Cộng</b>   | <b>552.719.419</b> | <b>10.008.630.898</b>       | <b>(3.895.034.773)</b>        | <b>6.666.315.544</b> |

### 11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

|                             | Nguyên giá            | Giá trị hao mòn      | Giá trị còn lại       |
|-----------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm                  | 33.855.431.253        | 2.380.322.748        | 31.475.108.505        |
| Tăng trong năm              | -                     | 1.064.179.548        |                       |
| Chuyển sang tài sản cố định |                       |                      |                       |
| hữu hình                    | (6.735.641.318)       | (93.457.025)         |                       |
| <b>Số cuối năm</b>          | <b>27.119.789.935</b> | <b>3.351.045.271</b> | <b>23.768.744.664</b> |

Tại thời điểm cuối năm Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

### 12. Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102068115 ngày 30 tháng 12 năm 2008 do sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam với số tiền là 800.000.000 VND, tương đương 80% vốn điều lệ.

### 13. Đầu tư dài hạn khác

Khoản góp vốn vào Công ty TNHH bệnh viện mắt Việt Hàn theo Hợp đồng góp vốn kinh doanh số 114/TN-HN/HĐGV ngày 01 tháng 8 năm 2008.

### 14. Vay và nợ ngắn hạn

|   | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng  | 276.485.801.289        | 237.505.320.818        |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình <sup>(i)</sup>   | 9.333.332.000          | 14.000.000.000         |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh <sup>(ii)</sup> | 59.981.170.998         | 73.424.959.608         |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á <sup>(ii)</sup>   | -                      | 27.400.000.000         |
| - Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam <sup>(ii)</sup>   | 34.700.000.000         | 23.071.339.302         |
| - Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lý Thường Kiệt <sup>(ii)</sup> | 39.982.129.969         | 35.578.091.325         |
| - Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) <sup>(ii)</sup>                                     | 34.461.062.794         | 22.625.032.438         |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Lộc <sup>(ii)</sup>           | 98.028.105.528         | 21.405.898.145         |
| - Ngân hàng TNHH Indovina Hồ Chí Minh <sup>(iii)</sup>  | -                      | 20.000.000.000         |
| Vay ngắn hạn cá nhân khác <sup>(iii)</sup>  | 2.850.000.000          | -                      |
| <b>Cộng</b>   | <b>279.335.801.289</b> | <b>237.505.320.818</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình để mua quyền sử dụng đất và bồi sung vốn lưu động. Khoản vay mua quyền sử dụng đất được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay tại các Ngân hàng để bồi sung vốn lưu động.
- (iii) Vay Bà Nguyễn Hoàng Minh Phương theo lãi suất 1,375%/tháng.

### *Chi tiết số phát sinh về các khoản vay*

|                              | Số tiền vay<br>phát sinh<br>trong năm | Số tiền vay đã<br>trả trong năm | Hoàn nhập<br>chênh lệch<br>tỷ giá | Số cuối năm                        |
|------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------|
| Số đầu năm                   |                                       |                                 |                                   |                                    |
| Vay ngắn hạn<br>ngân hàng    | 237.505.320.818                       | 800.490.122.283                 | (762.190.414.724)                 | 680.772.912 276.485.801.289        |
| Vay ngắn hạn cá<br>nhân khác | -                                     | 2.850.000.000                   | -                                 | - 2.850.000.000                    |
| <b>Cộng</b>                  | <b>237.505.320.818</b>                | <b>803.340.122.283</b>          | <b>(762.190.414.724)</b>          | <b>680.772.912 279.335.801.289</b> |

### 15. Phải trả người bán

|   | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tổng Công ty thương mại Sài Gòn                       | 91.870.304.625        | 58.832.264.932        |
| Công ty TNHH một thành viên thương mại<br>Nguyễn Minh | 1.000.000.120         | -                     |
| Các nhà cung cấp khác                                 | 1.540.034.897         | 1.789.404.751         |
| <b>Cộng</b>   | <b>94.410.339.642</b> | <b>60.621.669.683</b> |

### 16. Người mua trả tiền trước

|   | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Trả trước liên quan đến kinh doanh bất động sản | 25.382.826.200        | 16.299.052.800        |
| Trả trước về mua hàng hoá, dịch vụ              | 66.514.546            | 15.231.336.608        |
| <b>Cộng</b>                                     | <b>25.449.340.746</b> | <b>31.530.389.408</b> |

### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|   | Số đầu năm            | Số phải nộp<br>trong năm | Số đã nộp<br>trong năm  | Số cuối năm          |
|---|-----------------------|--------------------------|-------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa                          | -                     | 5.976.630.438            | (5.976.630.438)         | -                    |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu                            | -                     | 31.527.642.289           | (31.527.642.289)        | -                    |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt                              | -                     | 770.223.456              | (770.223.456)           | -                    |
| Thuế xuất, nhập khẩu (*)                            | -                     | 8.424.189.545            | (8.491.177.909)         | (66.988.364)         |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                          | 16.094.569.380        | 9.178.542.128            | (17.131.214.635)        | 8.141.896.873        |
| Thuế thu nhập cá nhân                               | 13.494.631            | 1.447.655.748            | (1.353.683.578)         | 107.466.801          |
| Tiền thuê đất                                       | -                     | 1.582.560.583            | (1.582.560.583)         | -                    |
| Các loại thuế khác                                  | -                     | 5.000.000                | (5.000.000)             | -                    |
| Các khoản phí, lệ phí và các<br>khoản phải nộp khác | -                     | 125.647.500              | (125.647.500)           | -                    |
| <b>Cộng</b>   | <b>16.108.064.011</b> | <b>59.038.091.687</b>    | <b>(66.963.780.388)</b> | <b>8.182.375.310</b> |

(\*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

### *Thuế tiêu thụ đặc biệt*

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh rượu với thuế suất 25%.

### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

|  | <b>Năm nay</b>         | <b>Năm trước</b>      |
|--|------------------------|-----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 48.322.266.149         | 91.623.442.459        |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:             |                        |                       |
| - Các khoản điều chỉnh tăng  | 188.337.500            | 123.989.295           |
| - Các khoản điều chỉnh giảm  | <u>(1.078.333.227)</u> | <u>(589.790.496)</u>  |
| Thu nhập tính thuế   | 47.432.270.422         | 91.157.641.258        |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp   | 25%                    | 25%                   |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</i>   | <i>11.858.067.606</i>  | <i>22.789.410.315</i> |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư 154/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính</i> | <i>(2.679.525.478)</i> | <i>-</i>              |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</i>   | <i>9.178.542.128</i>   | <i>22.789.410.315</i> |

### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

#### 18. Phải trả người lao động

Tổng quỹ lương được xác định bằng tỷ suất tiền lương / lợi nhuận trước thuế chưa tính chi phí lương là 20% theo Nghị quyết hội đồng quản trị. Và được thường bồi sung quỹ lương là 20% trên số lợi nhuận vượt nếu lợi nhuận vượt từ 10% đến 20% so với kế hoạch.

#### 19. Chi phí phải trả

|                       | <b>Số cuối năm</b>   | <b>Số đầu năm</b>  |
|-----------------------|----------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay       | 808.964.936          | 70.869.151         |
| Chi phí xây dựng      | 650.097.363          | 665.506.454        |
| Chi phí phải trả khác | 150.000.000          | 140.000.000        |
| <b>Cộng</b>           | <b>1.609.062.299</b> | <b>876.375.605</b> |

#### 20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

|   | <b>Số cuối năm</b>    | <b>Số đầu năm</b>     |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn                           | 136.600.000           | 54.000.000            |
| Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh (*) | 23.040.000.000        | 18.040.000.000        |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác                       | 152.766.800           | 212.291.500           |
| <b>Cộng</b>   | <b>23.329.366.800</b> | <b>18.306.291.500</b> |

(\*) Khoản tiền ứng vốn hợp tác đầu tư xây dựng dự án chung cư Thiên Nam.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

|                                   | Số đầu năm         | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Chi quỹ trong năm      | Điều chỉnh phân loại | Số cuối năm          |
|-----------------------------------|--------------------|--------------------------------|------------------------|----------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng                   | 971.026.246        | 1.423.662.882                  | (881.000.000)          | 1.423.662.881        | 2.937.352.009        |
| Quỹ phúc lợi                      | (452.719.452)      | 3.321.880.057                  | (785.365.464)          | (1.423.662.881)      | 660.132.260          |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | (270.987.738)      | 859.653.014                    | (1.220.646.221)        | -                    | (631.980.945)        |
| <b>Cộng</b>                       | <b>247.319.056</b> | <b>5.605.195.953</b>           | <b>(2.887.011.685)</b> | <b>-</b>             | <b>2.965.503.324</b> |

### 22. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

### 23. Vốn chủ sở hữu

#### Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 37.

#### Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

|   |                       |
|---|-----------------------|
| Trả cổ tức bổ sung năm trước (15% mệnh giá) | 11.999.623.500        |
| Tạm ứng cổ tức (10% mệnh giá)               | 7.999.749.000         |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>19.999.372.500</b> |

#### Cổ phiếu

|                                     | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 8.000.000   | 8.000.000  |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành      | 8.000.000   | 8.000.000  |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 8.000.000   | 8.000.000  |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại      | (251)       | (251)      |
| - Cổ phiếu phổ thông                | (251)       | (251)      |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành     | 7.999.749   | 7.999.749  |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 7.999.749   | 7.999.749  |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -           | -          |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của các khoản công nợ và tiền.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

|                                     | <b>Năm nay</b>           | <b>Năm trước</b>       |
|-------------------------------------|--------------------------|------------------------|
| Tổng doanh thu                      | 1.056.810.190.112        | 852.636.332.725        |
| - Doanh thu bán hàng hóa            | 1.034.707.165.295        | 750.199.275.494        |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ        | 3.234.800.010            | 2.465.937.768          |
| - Doanh thu kinh doanh bất động sản | 18.868.224.807           | 99.971.119.463         |
| Các khoản giảm trừ doanh thu:       | (48.678.705)             | -                      |
| - Hàng bán bị trả lại               | (48.678.705)             | -                      |
| <b>Doanh thu thuần</b>              | <b>1.056.761.511.407</b> | <b>852.636.332.725</b> |
| <i>Trong đó:</i>                    |                          |                        |
| - Doanh thu thuần bán hàng hóa      | 1.034.658.486.590        | 750.199.275.494        |
| - Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ  | 3.234.800.010            | 2.465.937.768          |
| - Doanh thu kinh doanh bất động sản | 18.868.224.807           | 99.971.119.463         |

### 2. Giá vốn hàng bán

|   | <b>Năm nay</b>         | <b>Năm trước</b>       |
|---|------------------------|------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp              | 952.612.120.017        | 698.874.450.567        |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp               | 1.351.082.485          | -                      |
| Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản | 2.911.661.335          | 38.360.221.602         |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                | 1.437.000.745          | -                      |
| <b>Cộng</b>                                   | <b>958.311.864.582</b> | <b>737.234.672.169</b> |

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

|                                    | <b>Năm nay</b>        | <b>Năm trước</b>      |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn             | 809.051.513           | 922.041.661           |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn          | 216.878.877           | 222.536.120           |
| Cô tức lợi nhuận được chia         | 1.751.847.687         | 958.480.896           |
| Thu nhập từ hoạt động góp vốn      | 1.480.000.000         | 3.000.000.000         |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 620.148.487           | 16.008.166            |
| Lãi chậm thanh toán của khách hàng | 14.482.010.731        | 19.597.049.877        |
| <b>Cộng</b>                        | <b>19.359.937.295</b> | <b>24.716.116.720</b> |

### 4. Chi phí tài chính

|                                     | <b>Năm nay</b>        | <b>Năm trước</b>      |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay                     | 38.976.938.368        | 22.514.202.568        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện   | 1.163.094.904         | 5.308.199.899         |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 60.292.800            | 31.513.800            |
| Chi phí tài chính khác              | 4.108.658             | -                     |
| <b>Cộng</b>                         | <b>40.204.434.730</b> | <b>27.853.916.267</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 5. Chi phí bán hàng

|                                  | Năm nay               | Năm trước            |
|----------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 2.988.320.847         | 2.316.926.200        |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 204.013.203           | 138.176.880          |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 14.778.779            | 40.464.850           |
| Thuế, phí và lệ phí              | 94.124.608            | 73.204.939           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 9.762.616.454         | 6.852.809.971        |
| Chi phí khác                     | 1.028.571.958         | 460.843.762          |
| <b>Cộng</b>                      | <b>14.092.425.849</b> | <b>9.882.426.602</b> |

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                                  | Năm nay               | Năm trước             |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 10.334.777.975        | 7.558.646.802         |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 627.227.371           | 623.012.856           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 532.220.680           | 384.707.258           |
| Thuế, phí và lệ phí              | 158.026.402           | 101.611.133           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 1.464.889.580         | 966.005.267           |
| Chi phí khác                     | 2.239.680.366         | 1.629.601.096         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>15.356.822.374</b> | <b>11.263.584.412</b> |

### 7. Thu nhập khác

|   | Năm nay               | Năm trước          |
|---|-----------------------|--------------------|
| Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 1.700.000             | 21.945.455         |
| Thu chuyển nhượng dự án chung cư Thiên Nam    | 30.200.000.000        | -                  |
| Tiền bồi thường của khách hàng                | 60.000.000            | 92.524.793         |
| Thu nhập khác                                 | 111.200.625           | 402.238.474        |
| <b>Cộng</b>                                   | <b>30.372.900.625</b> | <b>516.708.722</b> |

### 8. Chi phí khác

|  | Năm nay               | Năm trước         |
|--|-----------------------|-------------------|
| Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán | 3.707.600             | -                 |
| Chi phí liên quan đến dự án chung cư Thiên Nam       | 30.200.000.000        | -                 |
| Chi phí khác   | 2.828.043             | 11.116.258        |
| <b>Cộng</b>  | <b>30.206.535.643</b> | <b>11.116.258</b> |

### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chi phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | Năm nay               | Năm trước             |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 831.240.574           | 761.189.736           |
| Chi phí nhân công                | 13.323.098.822        | 9.875.573.002         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.422.467.015         | 425.172.108           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 11.479.657.044        | 7.993.631.310         |
| Chi phí khác                     | 3.268.252.324         | 2.090.444.858         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>31.324.715.779</b> | <b>21.146.011.014</b> |



# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.4 đến VII.9 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

### 2. Giao dịch với các bên liên quan

#### Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

|             | <u>Năm nay</u>       | <u>Năm trước</u>     |
|-------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lương  | 2.604.833.182        | 1.838.000.000        |
| Tiền thưởng | 95.000.000           | 160.000.000          |
| <b>Cộng</b> | <b>2.699.833.182</b> | <b>1.998.000.000</b> |

#### Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan</u>                  | <u>Mối quan hệ</u>            |
|---------------------------------------|-------------------------------|
| Tổng Công ty thương mại Sài Gòn       | Cổ đông đại diện vốn nhà nước |
| Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam | Công ty con                   |

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

|   | <u>Năm nay</u>  | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------|------------------|
| <i>Tổng Công ty thương mại Sài Gòn</i>                            |                 |                  |
| Mua hàng hóa  | 101.418.304.625 | 58.832.264.932   |
| <br><i>Tổng Công ty thương mại Sài Gòn – Siêu thị<br/>Sài Gòn</i> |                 |                  |
| Mua hàng hóa  | -               | 22.735.753.920   |
| <br><i>Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam</i>                  |                 |                  |
| Bán hàng hóa  | 32.358.140.633  | 20.007.210.832   |
| Cho thuê mặt bằng   | 274.400.000     | 198.000.000      |

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

|  | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <i>Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam</i> |                       |                       |
| Bán hàng hóa                                 | 6.244.117.432         | 3.250.319.941         |
| Cho thuê mặt bằng                            | -                     | 54.450.000            |
| <b>Công nợ phải thu</b>                      | <b>6.244.117.432</b>  | <b>3.304.769.941</b>  |
| <i>Tổng Công ty thương mại Sài Gòn</i>       |                       |                       |
| Mua hàng hóa                                 | 91.870.304.625        | 58.832.264.932        |
| <b>Công nợ phải trả</b>                      | <b>91.870.304.625</b> | <b>58.832.264.932</b> |

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

### 3. Thuê hoạt động

#### Các hợp đồng cho thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

|                        | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Từ 01 năm trở xuống    | 18.868.224.807        | 10.637.210.372        |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 57.399.661.253        | 47.087.210.139        |
| <b>Cộng</b>            | <b>76.267.886.060</b> | <b>57.724.420.511</b> |

### 4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

|   | Giá trị sổ sách        |                        | Giá trị hợp lý         |                        |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|   | Số cuối năm            | Số đầu năm             | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| <b>Tài sản tài chính</b>                  |                        |                        |                        |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền        | 47.152.329.812         | 46.757.929.350         | 47.152.329.812         | 46.757.929.350         |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 46.600.000.000         | 3.000.000.000          | 46.600.000.000         | 3.000.000.000          |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán         | 1.500.000.000          | 1.500.000.000          | 1.500.000.000          | 1.500.000.000          |
| Phải thu khách hàng                       | 147.672.011.780        | 93.362.082.819         | 147.672.011.780        | 93.362.082.819         |
| Các khoản phải thu khác                   | 2.365.767.222          | 1.596.028.966          | 2.365.767.222          | 1.596.028.966          |
| <b>Cộng</b>                               | <b>245.290.108.814</b> | <b>146.216.041.135</b> | <b>245.290.108.814</b> | <b>146.216.041.135</b> |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>              |                        |                        |                        |                        |
| Phải trả cho người bán                    | 94.410.339.642         | 60.621.669.683         | 94.410.339.642         | 60.621.669.683         |
| Vay và nợ                                 | 279.335.801.289        | 237.505.320.818        | 279.335.801.289        | 237.505.320.818        |
| Phải trả người lao động                   | 4.314.776.912          | 2.186.958.352          | 4.314.776.912          | 2.186.958.352          |
| Chi phí phải trả                          | 1.609.062.299          | 876.375.605            | 1.609.062.299          | 876.375.605            |
| Các khoản phải trả khác                   | 27.937.231.170         | 22.869.242.770         | 27.937.231.170         | 22.869.242.770         |
| <b>Cộng</b>                               | <b>407.607.211.312</b> | <b>324.059.567.228</b> | <b>407.607.211.312</b> | <b>324.059.567.228</b> |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

### 5. Tài sản đảm bảo

#### Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty không thế chấp tài sản đảm bảo nào cho đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

#### Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### 6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

#### Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, do hoạt động chủ yếu là bao tiêu nên khi bán hàng cho khách hàng Công ty thường có chính sách tín dụng cụ thể cho từng khách hàng và quá thời hạn tín dụng sẽ tính lãi do thanh toán chậm. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

|                         | Từ 01 năm<br>trở xuống | Trên 01 năm<br>đến 05 năm | Trên 05 năm | Cộng                   |
|-------------------------|------------------------|---------------------------|-------------|------------------------|
| <b>Số cuối năm</b>      |                        |                           |             |                        |
| Phải trả cho người bán  | 94.410.339.642         | -                         | -           | 94.410.339.642         |
| Vay và nợ               | 279.335.801.289        | -                         | -           | 279.335.801.289        |
| Phải trả người lao động | 4.314.776.912          | -                         | -           | 4.314.776.912          |
| Chi phí phải trả        | 1.609.062.299          | -                         | -           | 1.609.062.299          |
| Các khoản phải trả khác | 23.329.366.800         | 4.607.864.370             | -           | 27.937.231.170         |
| <b>Cộng</b>             | <b>402.999.346.942</b> | <b>4.607.864.370</b>      | <b>-</b>    | <b>407.607.211.312</b> |
| <b>Số đầu năm</b>       |                        |                           |             |                        |
| Phải trả cho người bán  | 60.621.669.683         | -                         | -           | 60.621.669.683         |
| Vay và nợ               | 237.505.320.818        | -                         | -           | 237.505.320.818        |
| Phải trả người lao động | 2.186.958.352          | -                         | -           | 2.186.958.352          |
| Chi phí phải trả        | 876.375.605            | -                         | -           | 876.375.605            |
| Các khoản phải trả khác | 18.306.291.500         | 4.562.951.270             | -           | 22.869.242.770         |
| <b>Cộng</b>             | <b>319.496.615.958</b> | <b>4.562.951.270</b>      | <b>-</b>    | <b>324.059.567.228</b> |

### 8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

#### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không có rủi ro lãi suất do các khoản vay có lãi suất cố định trong suốt thời gian vay.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

### 9. Thông tin khác

Như đã trình bày ở thuyết minh IV.16 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty áp dụng chính sách kế toán liên quan đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền và các khoản công nợ là 35.324.956 VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào chi phí như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2012



Vũ Thị Thúy Nga  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Ánh Hường  
Kế toán trưởng

Ngô Hữu Hoàn  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Phụ lục : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

| Vốn đầu tư của<br>chủ sở hữu | Thặng dư vốn<br>cố phần | Cổ phiếu quỹ          | Chênh lệch tỷ<br>giá hối đoái | Quy đầu tư<br>phát triển | Quy dự phòng<br>tài chính | Lợi nhuận sau<br>thuế chưa phân<br>phối | Công                  |
|------------------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------------|--------------------------|---------------------------|---|-----------------------|
| Số dư đầu năm trước          | 80.000.000.000          | 55.186.113.637        | (2.483.300)                   | (592.112.694)            | 9.460.555.259             | 2.564.385.060                           | 20.160.613.288        |
| Lợi nhuận trong năm          | -                       | -                     | -                             | -                        | -                         | -                                       | 68.834.032.144        |
| Chia cổ tức                  | -                       | -                     | -                             | -                        | -                         | -                                       | (15.999.498.000)      |
| Phân phối các quỹ            | -                       | -                     | -                             | -                        | 3.853.257.315             | 815.128.657                             | (7.252.809.944)       |
| Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá  | -                       | -                     | -                             | 592.112.694              | -                         | -                                       | 592.112.694           |
| Đánh giá chênh lệch tỷ giá   | -                       | -                     | -                             | 534.976.195              | -                         | -                                       | 534.976.195           |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>  | <b>80.000.000.000</b>   | <b>55.186.113.637</b> | <b>(2.483.300)</b>            | <b>534.976.195</b>       | <b>13.313.812.574</b>     | <b>3.379.513.717</b>                    | <b>65.742.337.488</b> |
| Số dư đầu năm nay            | 80.000.000.000          | 55.186.113.637        | (2.483.300)                   | 534.976.195              | 13.313.812.574            | 3.379.513.717                           | 65.742.337.488        |
| Lợi nhuận trong năm          | -                       | -                     | -                             | -                        | 39.247.693.587            | 3.347.606.788                           | 39.143.724.021        |
| Phân phối các quỹ            | -                       | -                     | -                             | -                        | -                         | (48.397.546.328)                        | (5.802.245.953)       |
| Chia cổ tức                  | -                       | -                     | -                             | (534.976.195)            | -                         | -                                       | (19.999.372.500)      |
| Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá  | -                       | -                     | -                             | (35.324.956)             | -                         | -                                       | (534.976.195)         |
| Đánh giá chênh lệch tỷ giá   | -                       | -                     | -                             | -                        | -                         | -                                       | (35.324.956)          |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>    | <b>80.000.000.000</b>   | <b>55.186.113.637</b> | <b>(2.483.300)</b>            | <b>(35.324.956)</b>      | <b>52.561.506.161</b>     | <b>6.727.120.505</b>                    | <b>36.489.142.681</b> |

03/TP.HCM, ngày 06 tháng 02 năm 2012



Vũ Thị Thúy Nga  
Người lập biểu

36

Nguyễn Thị Ánh Hương  
Kế toán trưởng

Ngô Hữu Hoàn  
Tổng Giám đốc